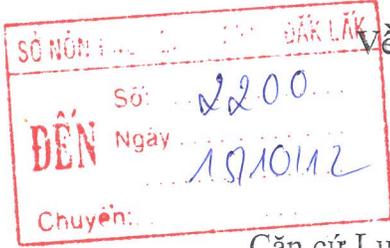


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK  
Số: 2332 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Đắk Lắk, ngày 10 tháng 10 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của  
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 1687/QĐ-UBND, ngày 01/8/2012 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 175/TTr-SNN, ngày 10/9/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 419/TTr-SNV ngày 26/9/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- TT Tỉnh uỷ, TTHĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ NN & PTNT;
- Quỹ Bảo vệ & PTR Việt Nam;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT (Vũ. 50b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



1

**ĐINH VĂN KHIẾT**

**ĐIỀU LỆ**  
**VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ**  
**VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2332 ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Chương 1**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP).

**Điều 2.** Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 47 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk.

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Dak Lak Forest Protection and Development Fund. Viết tắt là (Dak Lak FPDF).

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập:

- Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động:

- Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn nhà nước cấp ban đầu.

- Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

- Đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Chương 2** **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

### **Điều 4. Chức năng của Quỹ**

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của cấp tỉnh, của Trung ương, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng uỷ thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ và tại Điều 7, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản do các Bộ, ngành Trung ương quy định.

### **Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ**

#### 1. Nhiệm vụ của Quỹ:

a) Vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, uỷ thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà Quỹ có thể hỗ trợ kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định theo thẩm quyền;

c) Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, hoặc các hoạt động phi dự án;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do Quỹ hỗ trợ;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê, kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh;

f) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí quản lý;

g) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản do các Bộ, ngành Trung ương quy định.

## 2. Quyền hạn của Quỹ:

a) Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt;

b) Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ;

c) Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan;

d) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

## Chương 3

### NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách địa phương hỗ trợ ban đầu khi thành lập Quỹ: mức tối đa là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng Việt Nam*)

#### 2. Nguồn tài chính ủy thác:

- Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn;

- Tiền ủy thác của các tổ chức quốc tế; tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng;

3. Các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng; gồm:

- Đóng góp của các chủ rừng khi còn khai thác, kinh doanh gỗ trong những trường hợp sau: Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng đất; Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất có thu tiền sử dụng rừng hoặc nhận chuyển nhượng rừng nhưng tiền sử dụng rừng, tiền chuyển nhượng rừng đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng.

- Đóng góp của cơ sở kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, dịch vụ sinh thái - môi trường rừng.

- Đóng góp từ các dự án đầu tư phải khai thác rừng để giải phóng mặt bằng và có yêu cầu phải trồng lại rừng nhưng không có điều kiện.

Mức đóng góp, đối tượng đóng góp, đối tượng được miễn giảm; cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thu các khoản đóng góp theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tài trợ đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước;
5. Kinh phí các chương trình, dự án có quy định hoàn trả nộp Quỹ;
6. Quỹ Trung ương hỗ trợ;
7. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng;
8. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Đối tượng và nội dung hỗ trợ**

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn trong nước có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

Tùy theo điều kiện cụ thể của nội dung các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được xem xét, hỗ trợ bao gồm:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;
- Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;
- Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới;
- Hỗ trợ trồng cây phân tán;
- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất;
- Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;
- Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;
- Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước uỷ thác.

#### **Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ**

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch của Quỹ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Quỹ thông báo công khai, các lĩnh vực ưu tiên và các quy định về hỗ trợ của Quỹ.

2. Tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động phi dự án muốn được hỗ trợ phải nộp đơn xin hỗ trợ theo các quy định của Quỹ.

3. Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định, xét chọn các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án để Quỹ hỗ trợ.

4. Việc tài trợ, cho vay của Quỹ cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án để Quỹ hỗ trợ được thực hiện theo các hợp đồng hỗ trợ.

5. Việc đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án được thực hiện căn cứ theo hợp đồng hỗ trợ đã ký kết.

6. Chi phí cho Hội đồng thẩm định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

7. Việc xét chọn các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án được chọn phải phù hợp với quy định tại Điều 7 của Điều lệ này; và phải được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt. (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt).

b. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

c. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

d. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền thành lập Quỹ.

#### **Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ**

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần cho việc thực hiện một số chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7, bao gồm:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

- Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới;

- Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;

2. Hỗ trợ có hoàn lại một phần hay toàn phần vốn để thực hiện một số chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7, bao gồm:

- Hỗ trợ trồng cây phân tán;

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất; .

- Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

Thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ tùy theo chu kỳ kinh doanh của từng loài cây. Trước khi khai thác sản phẩm, tổ chức cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm thông báo cho Sở Nông nghiệp & PTNT, Hạt Kiểm lâm và Quỹ để hoàn trả phần vốn đã được hỗ trợ theo hợp đồng đã ký kết.

UBND tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả.

#### **Chương 4**

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ**

**Điều 10. Tổ chức bộ máy quản lý**

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Bộ máy điều hành Quỹ.

**Điều 11.** Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm 7 thành viên đại diện cho các Sở, ngành gồm: Lãnh đạo các ngành Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục kiểm lâm, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Cơ cấu Hội đồng quản lý quỹ:

a) Chủ tịch hội đồng: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: được cử trong số các ủy viên Hội đồng;

c) Các Ủy viên hội đồng:

- Lãnh đạo Sở Tài chính,
- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường,
- Lãnh đạo Sở Công thương,
- Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư,
- Lãnh đạo Chi cục Lâm nghiệp,
- Lãnh đạo Chi cục kiểm lâm.

3. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm, Ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán, tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 12.** Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát.

5. Trình UBND tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Trình UBND tỉnh quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển lâm nghiệp của Nhà nước; phương thức hỗ trợ của Quỹ.

7. Trình UBND tỉnh phê duyệt thông qua kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán năm của Quỹ.

8. Thông qua đề nghị của Giám đốc Quỹ, ban hành Quy chế hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ; các Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ làm căn cứ triển khai hoạt động thực tế của của Quỹ trong từng thời kỳ;

9. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và pháp luật hiện hành;

10. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

11. Thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Điều 13.** Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Phê duyệt kế hoạch và báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ;

7. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

8. Các quyền khác theo qui định của pháp luật.

### **Điều 14.** Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 3 tháng 1 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Ủy viên hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch uỷ quyền trong trường hợp chủ tịch vắng mặt làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến của các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng bỏ phiếu tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

#### **Điều 15. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ**

1. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ, Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

#### **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ**

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban kiểm soát Quỹ còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo UBND tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua những hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát Quỹ, Trưởng ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Giám đốc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các qui định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

e) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

f) Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ) bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không trái với các qui định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 18. Phó Giám đốc**

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành..

#### **Điều 19. Kế toán trưởng**

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 20. Bộ máy điều hành**

1. Bộ máy điều hành do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

Bộ máy điều hành Quỹ có 15 người. Cụ thể như sau:

- + Giám đốc: 01 người
- + Phó Giám đốc : 02 người
- + Kế toán trưởng: 01 người;
- + Cán bộ chuyên môn giúp việc: 09 người;
- + Thủ quỹ, tạp vụ, văn thư, lái xe: 02 người;

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể và kết quả hoạt động, Giám đốc quỹ có thể hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ và tự trang trải chi phí.

2. Lãnh đạo của bộ máy điều hành do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

3. Lãnh đạo của bộ máy điều hành và cán bộ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

**Điều 21. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ**

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Bộ máy điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

## **Chương 5** **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

### **Điều 22. Chế độ tài chính, kế toán**

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

## **Chương 6** **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

**Điều 23.** Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

**Điều 24.** Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 25.** Việc tổ chức lại, sát nhập, thành lập mới các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## **Chương 7** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26.** Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 27.** Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. *lu*

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**ĐINH VĂN KHIẾT**